

# XÂY DỰNG KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TRÊN KHAI ĐỔI MỚI CĂN BẢN VÀ TOÀN DIỆN GIÁO DỤC TRẺ KHUYẾT TẬT

**TS. PHẠM MINH MỤC**  
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

## 1. Đặt vấn đề

Kế hoạch hành động quốc gia giáo dục (GD) cho mọi người giai đoạn 2003-2015 theo Công văn số 872/CP-KG ngày 02/10/2003 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đã bước vào giai đoạn cuối. Các chỉ tiêu trong Kế hoạch đã dần từng bước được thực hiện và đi vào đời sống xã hội. Tuy nhiên, cũng còn nhiều tiêu chí chưa đạt được, đặc biệt trong lĩnh vực GD cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và trẻ khuyết tật (TKT).

Trong Chỉ thị số 01/2006/CT-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện chính sách trợ giúp người khuyết tật trong tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, Thủ tướng đã giao nhiệm vụ cho Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) "Xây dựng Chiến lược và Kế hoạch hành động về GD TKT giai đoạn 2006-2010 và những năm tiếp theo theo hướng hoà nhập và dựa vào cộng đồng".

Luật về người khuyết tật đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2010 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2011, trong đó có những khoản mục cụ thể về việc triển khai và thực hiện GD TKT. Nghị định số 28/2012/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về việc hướng dẫn triển khai Luật người khuyết tật do Thủ tướng Chính phủ được kí ngày 10/4/2012.

Việc xây dựng văn bản Kế hoạch hành động GD TKT tầm quốc gia giai đoạn 2013- 2020 và những năm tiếp theo theo hướng hoà nhập và dựa vào cộng đồng phù hợp với Chiến lược phát triển GD giai đoạn 2012-2020 và những năm tiếp theo đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trên cơ sở đó, sẽ khẳng định những quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về GDTKT, mục tiêu và giải pháp thực hiện, đồng thời hoạch định một lộ trình thực hiện đáp ứng nhu cầu đổi mới căn bản và toàn diện nền GD theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế theo chỉ thị của Đảng và Chính phủ.

## 2. Thực trạng giáo dục trẻ khuyết tật của Việt Nam

### 2.1. Thành tựu

*Hệ thống quản lí giáo dục TKT bước đầu được hình thành:* Thực hiện Nghị định 26/NĐ-CP của Chính phủ tháng 4 năm 1995 về GD TKT, Bộ GD&ĐT đã có nhiều văn bản hướng dẫn các địa phương thống nhất quản lí GD TKT. Ban chỉ đạo GD TKT từ cấp Bộ đến cấp Sở GD&ĐT được thành lập ở cả 63 tỉnh, thành và đi vào hoạt động.

*Quy mô GD TKT ngày càng được mở rộng, số lượng TKT đi học tăng nhanh:* Theo thống kê của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, năm 1996, cả nước mới có 42.000 TKT được đi học thì năm 2012 đã có hơn 500.000 TKT được đến trường. Đặc biệt, trong 5 năm gần đây, từ năm 2007 đến năm 2012, quy mô GD TKT đã tăng hơn hẳn so với các năm trước. Số TKT đi học không chỉ tập trung ở cấp Mầm non, Tiểu học và Trung học mà còn có một số đang học ở các trình độ như: Dạy nghề, Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học và Sau đại học.

*Mạng lưới các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên cho GD TKT được hình thành và phát triển:* Hiện nay cả nước đã có 4 trường đại học sư phạm và 3 trường cao đẳng sư phạm mở mã ngành sư phạm giáo dục đặc biệt\*. Có hơn 10 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hướng nghiệp (GDHN) TKT được thành lập mới và được nâng cấp từ các cơ sở giáo dục chuyên biệt. Các trung tâm này đã hoạt động có hiệu quả trong việc hỗ trợ trực tiếp cho TKT, chuyển giao kiến thức, kĩ năng chăm sóc, GD TKT tới nhà trường, gia đình TKT, cộng đồng và các cá nhân có liên quan đến TKT và tuyên truyền, vận động TKT đi học.

*Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên GD TKT được xây dựng và bước đầu sử dụng có hiệu quả:* Chương trình khung đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng, đại học và sau đại học về giáo dục đặc biệt theo hướng GDHN đã được biên soạn, ban hành và bước đầu sử dụng có hiệu quả.

Chương trình khung bồi dưỡng cán bộ quản lí giáo dục, giáo viên dạy hòa nhập các cấp học Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở đã được biên soạn và ban hành, từng bước đáp ứng nhu cầu thực tiễn GDTKT.

Hệ thống giáo trình và tài liệu đào tạo, bồi dưỡng giáo viên về can thiệp sớm và GDHN TKT ngày càng đầy đủ và hoàn thiện hơn.

### 2.2. Hạn chế

*Nhận thức của xã hội về tầm quan trọng của công tác giáo dục TKT chưa cao.* Nhiều cấp chính quyền địa phương, nhà trường, cán bộ và giáo viên còn coi GD TKT chỉ như việc làm thêm, từ thiện và các em chỉ có thể học tập tại các cơ sở GD chuyên biệt. Nhiều phụ huynh học sinh khuyết tật chưa nhận thức đầy đủ về

\* 4 trường ĐH là: Trường ĐHSPT Hà Nội, ĐHSPT TP. Hồ Chí Minh, ĐH Đà Nẵng và ĐH Quy Nhơn; 3 trường CĐSP là: Trường CĐSP TỨ, Trường CĐSP TỨ Nha Trang và Trường CĐSP TỨ TP. Hồ Chí Minh



khả năng của con em mình, nên cam chịu, không tạo điều kiện cho trẻ phát triển, học tập.

*Các cơ sở giáo dục hoà nhập và chuyên biệt còn ít về số lượng, phân bố không đồng đều và chất lượng hỗ trợ, giáo dục còn nhiều hạn chế.* Mặc dù Bộ GD&ĐT đã chỉ đạo triển khai GD TKT trên toàn quốc, song chỉ những trường ở những vùng thuận lợi, được sự hỗ trợ của các tổ chức khác nhau, triển khai thực hiện, và chủ yếu tiếp nhận những TKT nhẹ; những TKT nặng và trung bình và TKT ở những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa hầu như chưa có cơ hội đến trường.

*Các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập TKT mới được thành lập chưa đủ về số lượng, chỉ tập trung ở một số tỉnh nên chưa hình thành mạng lưới hỗ trợ cho TKT.*

*Đội ngũ cán bộ quản lí và giáo viên chưa đủ về số lượng và hạn chế về chất lượng.* Hầu hết đội ngũ cán bộ quản lí GD các cấp chưa được bồi dưỡng kiến thức về GD TKT và quản lí chuyên môn trong trường hoà nhập. Số lượng giáo viên được bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn GD TKT mới chỉ đáp ứng 15% số TKT được đi học.

*Năng lực của các cơ sở đào tạo về giáo dục TKT còn nhiều bất cập.* Trên phạm vi toàn quốc, hiện mới có 7 cơ sở đào tạo có khoa hoặc tổ GD đặc biệt. *Đội ngũ giảng viên của các cơ sở đào tạo còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng.*

*Cơ sở vật chất cho giáo dục TKT còn thiếu về số lượng và kém về chất lượng.*

*Công tác thiết kế, sản xuất và cung cấp các trang thiết bị trợ giúp* đảm bảo cho TKT học tập, tham gia vào các hoạt động trong và ngoài nhà trường chưa được quan tâm và chỉ đạo thực hiện.

*Phối kết hợp giữa các lực lượng xã hội còn kém hiệu quả.* Mặc dù công tác GD TKT ở nước ta đã được tiến hành từ nhiều năm, tuy nhiên, cho tới nay vẫn chưa có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các đơn vị có liên quan, cụ thể như: Bộ Lao động-Thương binh & Xã hội, Bộ Tài Chính, Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế, Bộ Nội vụ.

*Nguồn ngân sách Nhà nước cho GD TKT chưa đầy đủ.* Ngân sách thường xuyên chỉ cho đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở vật chất: trường lớp, các thiết bị hỗ trợ, cho việc nghiên cứu và sản xuất thiết bị dạy học cho TKT còn rất hạn chế và mới tập trung vào các cơ sở GD chuyên biệt.

### **3. Quan điểm chỉ đạo đổi mới căn bản và toàn diện trong lĩnh vực GD TKT**

Để thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và khắc phục những hạn chế, bất cập trong thời gian vừa qua, việc GD TKT ở nước ta cần bám sát các định hướng sau:

- Thực hiện GD TKT là thực hiện mục tiêu phát triển giáo dục ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo

của giáo dục nghề nghiệp, thực hiện công bằng về cơ hội học tập và phát triển cho TKT cũng như tất cả trẻ em Việt Nam;

- Tư tưởng chỉ đạo trong Kế hoạch hành động giáo dục TKT giai đoạn 2012-2020 và những năm tiếp theo là đảm bảo cơ hội cho phần lớn TKT được tiếp cận nền giáo dục có chất lượng theo hướng hoà nhập cộng đồng;

- Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong phát triển sự nghiệp giáo dục người khuyết tật. Xã hội hoá GD TKT, tạo điều kiện cho người khuyết tật ở mọi lứa tuổi, mọi trình độ được học tập thường xuyên và học tập suốt đời. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong phát triển sự nghiệp giáo dục người khuyết tật, đồng thời khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia phát triển GD TKT;

- Tăng cường sự kết hợp liên ngành trong việc hỗ trợ cho TKT học tập và phát triển.

### **4. Mục tiêu của Kế hoạch hành động**

Mục tiêu chung của Kế hoạch hành động GD TKT là đảm bảo đến năm 2015, có 75% người khuyết tật được học hoà nhập, tỉ lệ này tương ứng ở vùng thuận lợi là 80%, vùng trung bình là 75%, vùng khó khăn là 65%. Đến năm 2020, có 80% người khuyết tật học hoà nhập, tỉ lệ này tương ứng ở vùng thuận lợi tỉ là 85%, vùng trung bình là 80%, vùng khó khăn là 70%.

Giáo dục TKT được thực hiện ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; mạng lưới dịch vụ hỗ trợ giáo dục hoà nhập được triển khai có hiệu quả trong phạm vi toàn quốc.

### **5. Các giải pháp thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện GD TKT**

Nhằm thực hiện giáo dục trẻ khuyết tật đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế cần thực hiện đồng bộ các giải pháp kĩ thuật sau:

#### **5.1. Xây dựng, bổ sung và ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về GD TKT**

- Xây dựng, bổ sung và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về chế độ ưu tiên, khuyến khích giáo viên và những người làm việc với TKT để họ yên tâm, gắn bó lâu dài với giáo dục TKT; thực hiện chế độ ưu tiên, giúp đỡ người khuyết tật và TKT, tạo điều kiện để TKT được đến trường;

- Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ GD TKT, khuyến khích sản xuất và cung ứng trang thiết bị phục vụ GD TKT;

- Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư cho hoạt động nghiên cứu GD TKT và đào tạo nguồn nhân lực cho các cơ quan nghiên cứu và các trường sư phạm trong lĩnh vực này; đào tạo, bồi

dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực là người khuyết tật có khả năng phục vụ GD TKT.

**5.2. Phát triển nguồn nhân lực thực hiện GD TKT**

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lí GD TKT từ Trung ương đến địa phương đủ về số lượng, đáp ứng về chất lượng. Đội ngũ đó bao gồm: Cán bộ quản lí trường mầm non, tiểu học, trung học, dạy nghề và cán bộ quản lí cấp Phòng và Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên cho TKT các cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông, dạy nghề trực tiếp làm công tác can thiệp sớm và giáo dục hoà nhập TKT, giáo viên dạy các kĩ năng chuyên biệt cho trẻ các dạng khuyết tật như khiếm thính, khiếm thị, khuyết tật trí tuệ,... đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng;

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cốt cán làm công tác nghiên cứu giáo dục TKT tại các viện, giảng viên các trường đại học, cao đẳng sư phạm đủ về số lượng, hợp lí về cơ cấu và chuẩn về chất lượng đáp ứng nhu cầu mở rộng dần quy mô và nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo;

- Đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nguồn nhân lực là người khuyết tật có khả năng phục vụ cho GD TKT, lập kế hoạch và tiến hành đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng họ như những nguồn nhân lực phục vụ công tác chăm sóc - giáo dục TKT.

**5.3. Phát triển hệ thống hỗ trợ GD TKT**

- Xây dựng và ban hành các chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng nguồn nhân lực cho GD TKT, gồm: Chương trình liên thông đào tạo cử nhân đại học và cao đẳng về giáo dục đặc biệt; chương trình bồi dưỡng theo chứng chỉ cho giáo viên hỗ trợ, giáo viên các cấp học; chương trình bồi dưỡng cho các cán bộ quản lí giáo dục các cấp nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ cho các chỉ tiêu của chiến lược;

- Xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, bồi dưỡng dạy các kĩ năng đặc thù cho từng dạng TKT như: ngôn ngữ kí hiệu cho người khiếm thính, kí hiệu nổi cho người khiếm thị, dạy tiếng mẹ đẻ cho trẻ khiếm thính và khuyết tật ngôn ngữ, chuẩn mực hành vi và kĩ năng sống cho TKT... nhằm tạo các công cụ cho những người đang trực tiếp GD TKT;

- Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất: trường lớp, lối đi phù hợp với TKT; đảm bảo cung cấp các thiết bị dạy học: sách giáo khoa cho trẻ khiếm thị và trẻ khiếm thính, đồ dùng dạy học phù hợp với đặc điểm tri giác của trẻ; đảm bảo cung cấp đầy đủ các thiết bị hỗ trợ: xe lăn, máy trợ thính, kính trợ thị, bảng, dùi viết chữ nổi,...

**5.4. Tăng cường công tác quản lí và nghiên cứu, chuyển giao công nghệ GD TKT**

- Thống nhất hệ thống quản lí GD TKT từ Trung

ương đến địa phương. Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, thanh tra GD TKT từ Trung ương đến địa phương;

- Xây dựng tiêu chuẩn nghiệp vụ quản lí GD TKT áp dụng cho hệ thống quản lí GD TKT. Xây dựng các chuẩn đánh giá kết quả GD TKT để áp dụng trong hệ thống trường học;

- Nghiên cứu xây dựng và thống nhất sử dụng ngôn ngữ kí hiệu cho người khiếm thính, chữ nổi cho người khiếm thị, các quy trình, phương pháp đặc thù dạy trẻ các dạng, các mức độ khuyết tật và độ tuổi khác nhau.

**5.5. Tăng cường phối hợp liên ngành và đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục trong GD TKT**

- Tạo cơ chế phối hợp các ban ngành và tổ chức xã hội, như: Y tế, Lao động – Thương binh và Xã hội, Giáo dục và các ban ngành đoàn thể khác trong việc phát hiện TKT, vận động và tạo điều kiện cho trẻ đi học;

- Thu hút cộng đồng, và các ngành hữu quan cùng tham gia vào công tác giáo dục, phục hồi chức năng cho TKT, dạy nghề và tạo việc làm cho thanh, thiếu niên khuyết tật;

- Tăng cường phối hợp liên ngành trong việc tham gia vào công tác quản lí GD TKT bằng cách giám sát, động viên, khuyến khích, góp ý cho đội ngũ cán bộ, giáo viên trực tiếp thực hiện giáo dục TKT.

**5.6. Đảm bảo kinh phí của Nhà nước và các tài trợ cho việc thực hiện các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể trong GD TKT**

- Nhà nước cung cấp kinh phí cho các hoạt động nhằm thực hiện các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể theo từng giai đoạn phù hợp với tiến trình thực hiện Kế hoạch hành động trong lĩnh vực chăm sóc và GD TKT;

- Tăng cường xúc tiến các hoạt động gây quỹ cho GD TKT như: Vận động trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm gây quỹ cho các hoạt động can thiệp sớm, giáo dục hoà nhập, cung cấp các trang thiết bị, dụng cụ hỗ trợ cho TKT.

**6. Triển khai Chương trình hành động thực hiện các giải pháp kĩ thuật đổi mới căn bản và toàn diện**

**6.1. Xây dựng, bổ sung và ban hành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về GD TKT**

- Tiến hành rà soát và đánh giá cụ thể hệ thống văn bản các cấp, các ngành có liên quan đến GD TKT nhằm tạo cơ sở bổ sung và hoàn chỉnh các căn bản có giá trị pháp lí cao hơn;

- Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về chế độ ưu tiên, khuyến khích giáo viên và những người tham gia làm việc với TKT; thực hiện chế độ ưu tiên, giúp đỡ người khuyết tật và TKT;

- Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ GD TKT;



- Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật về sản xuất, cung cấp phương tiện trợ giúp và học liệu, thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và học tập của TKT;

- Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thực hiện dịch vụ tư vấn, hỗ trợ chăm sóc và GD TKT;

- Xây dựng và ban hành Thông tư liên Bộ về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thực hiện dịch vụ tư vấn, hỗ trợ chăm sóc và GD TKT.

**6.2. Phát triển nguồn nhân lực thực hiện GD TKT**

- Đào tạo, bồi dưỡng hàng năm cho đội ngũ cán bộ quản lý sở, phòng GD&ĐT và quản lý trường của từng cấp học, các trường cao đẳng, đại học và cơ sở dạy nghề;

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy TKT các cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông;

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn cho các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập, giáo viên cốt cán các huyện và giáo viên trực tiếp làm công tác can thiệp sớm và dạy học TKT;

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cốt cán làm công tác nghiên cứu tại các viện, giảng viên các trường đại học, cao đẳng sư phạm;

- Đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nguồn nhân lực là người khuyết tật.

**6.3. Phát triển hệ thống hỗ trợ GD TKT**

- Xây dựng các chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho GD TKT;

- Xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, bồi dưỡng dạy các kĩ năng đặc thù cho từng dạng TKT;

- Nghiên cứu, xây dựng, ban hành và giám sát việc thực hiện quy chuẩn xây dựng cơ sở vật chất trường học đảm bảo cho tiếp cận không vật cản đối với người khuyết tật: trường lớp, lối đi, khu vệ sinh phù hợp với TKT;

- Tăng cường phát triển các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập đảm bảo ít nhất một trung tâm/tỉnh;

- Phát triển các cơ sở tư vấn hướng nghiệp – dạy nghề và dịch vụ giới thiệu việc làm cho người khuyết tật. Ban hành Quy định về quyền hạn, chức năng và nhiệm vụ của các cơ sở tư vấn hướng nghiệp dạy nghề và dịch vụ hỗ trợ việc làm cho người khuyết tật.

**6.4. Tăng cường công tác quản lý và nghiên cứu chuyển giao công nghệ giáo dục TKT**

- Xây dựng và ban hành văn bản quy định hệ thống các tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực đối với cán bộ làm công tác quản lý trong lĩnh vực GD TKT đáp ứng yêu cầu và đòi hỏi của thực tiễn;

- Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá giáo viên dạy TKT và tiêu chí đánh giá kết quả GD TKT;

- Xây dựng quy chế giám sát công tác GD TKT;

- Xây dựng và thống nhất sử dụng ngôn ngữ kí hiệu chung cho người khiếm thính, khiếm thị. Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, người khuyết tật và các cán bộ có liên quan phổ biến loại hình ngôn ngữ này.

**6.5. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành và đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục trong GD TKT**

- Xây dựng cơ chế phối hợp các bộ, ban ngành và các tổ chức xã hội trong việc phát hiện TKT, vận động và tạo điều kiện cho trẻ đi học;

- Tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về khả năng, nhu cầu và quyền được đi học của TKT cho gia đình TKT, cho cán bộ nhà nước và cộng đồng;

- Tổ chức các chiến dịch hoạt động xã hội nhằm thu hút sự tham gia của các lực lượng xã hội;

- Tăng cường phối hợp liên ngành trong việc tham gia vào công tác quản lý GD TKT bằng cách giám sát, động viên, khuyến khích, góp ý cho đội ngũ cán bộ, giáo viên trực tiếp thực hiện GD TKT;

- Thu hút sự tham gia liên ngành trong việc xây dựng cơ sở vật chất, sân bãi, dụng cụ tập luyện hoặc các dịch vụ hỗ trợ GD TKT.

**6.6. Đảm bảo kinh phí của Nhà nước và các nguồn tài trợ cho việc thực hiện các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của Chiến lược GD TKT**

- Nhà nước cung cấp kinh phí cho các hoạt động nhằm thực hiện các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể theo từng giai đoạn phù hợp với tiến trình thực hiện kế hoạch hành động;

- Tăng cường xúc tiến các hoạt động gây quỹ cho GD TKT, như: Vận động trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm gây quỹ cho các hoạt động can thiệp sớm, giáo dục hoà nhập, cung cấp các trang thiết bị, dụng cụ hỗ trợ cho TKT.

**7. Tổ chức thực hiện**

Việc tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động nhằm đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục TKT được chia làm 2 giai đoạn: 2013-2015 và 2016-2020.

- *Giai đoạn từ năm 2013 đến 2015:* Trọng tâm là tạo sự thay đổi cơ bản làm cơ sở cho phát triển GD TKT trong giai đoạn sau. Nội dung trọng tâm của giai đoạn này là tập trung mọi nỗ lực nhằm triển khai đồng bộ các giải pháp để ra, đặc biệt là các giải pháp về hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, phát triển nguồn nhân lực và điều kiện về cơ sở vật chất để tạo đà phát triển cho các giai đoạn sau;

- *Giai đoạn 2015-2020:* Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm đạt mục tiêu là hầu hết TKT được tiếp cận giáo dục. Nội dung trọng tâm của giai đoạn này là tiếp tục hoàn tất các giải pháp để ra, tập trung cao độ vào giải pháp nâng cao nhận thức và quản lý nhằm phát

(Xem tiếp trang 11)